

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST.

Ngày: 04-02-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Cường.

2. Ông Quản Thế Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 249/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980 tại Khánh Hòa;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn TN, xã CPĐ, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký tạm trú: Ấp PM1, xã PH, huyện NT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn S, sinh năm 1957 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1958; Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Có 03 con, nhỏ nhất sinh năm 2014, lớn nhất sinh năm 1998.

Tiền án: Ngày 08/02/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã CR, tỉnh Khánh Hòa xử 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 28/2007/HSST (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2012).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/11/2020, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo quyết định khởi tố bị can số 07/CSĐT-HS ngày 27/11/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/5/2020 đến ngày 04/6/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo cư trú tại Ấp PM1, xã PH, huyện NT, tỉnh Đồng Nai đến ngày

22/11/2020 bị bắt tạm giữ chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, ấp CĐ, xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp SQ, xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Nguyễn Dương T, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp SQ, xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 7, ấp CĐ, xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Tổ 3, ấp SQ, xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Thị Mỹ H nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Ngày 16/5/2020, H điều khiển xe mô tô biển số 79C1-150.46 từ nhà trọ ở xã PH, huyện NT đến khu vực xã CĐ, huyện LT tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đến cửa hàng tạp hóa Vì Sao ở tổ 3, ấp SQ, xã CĐ, huyện LT do bà Nguyễn Thị H là chủ sở hữu, H quan sát thấy có 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4+ màu vàng đồng, đang để trên tủ chứa đồ nên H giả vờ nói bà H bán cho mình 01 thẻ cào, một hộp bánh và nước ngọt, lợi dụng lúc bà H đi lấy hàng thì H lén lút lấy trộm điện thoại di động trên bỏ vào túi quần jean bên phải rồi đi ra khỏi quán, điều khiển xe về lại phòng trọ.

Đến 07 giờ ngày 26/5/2020, cũng thủ đoạn như trên, H đi đến cửa hàng tạp hóa LT ở tổ 1, ấp SQ, xã CĐ, huyện LT do chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Dương T là chủ sở hữu để trộm cắp tài sản. Tại đây, H quan sát thấy có 01 hộp kim loại bên trong chứa các thẻ cào điện thoại đang để gần ngăn bánh kẹo nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trên. Lợi dụng lúc chị P không để ý, H lén lút bóc một nắm thẻ cào gồm 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 19 thẻ cào Vinafone mệnh giá 100.000 đồng, 05 thẻ cào Vinafone mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 100.000 đồng, 08 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 50.000 đồng đang để trong hộp bỏ vào túi áo khoác bên phải và điều khiển xe bỏ đi ra khỏi quán. Đến 09 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Dương T phát hiện H đang mua đồ ăn cách cửa hàng 02 km nên cùng với quần chúng nhân dân bắt giữ H cùng tang vật giao Công an xã Cẩm Đường xử lý.

Ngoài ra, ngày 17/5/2020, cũng thủ đoạn như trên, tại cửa hàng tạp hóa TT ở tổ 7, ấp CĐ, xã CĐ, huyện LT do bà Nguyễn Thị Tuyết Tr là chủ sở hữu, H có hành vi trộm cắp số tiền khoảng 700.000 đồng và một số thẻ cào điện thoại các loại không xác định

được mệnh giá, chủng loại, số lượng trị giá khoảng 1.300.000 đồng (H đã làm rơi mất) của bà Tr.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/KLĐG ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận:

+ 48 thẻ cào điện thoại gồm các loại sau: 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 19 thẻ cào Vinafone mệnh giá 100.000 đồng, 05 thẻ cào Vinafone mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 100.000 đồng, 08 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 50.000 đồng trị giá 4.050.000 đồng (Bốn triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng).

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4+, màu vàng đồng (đã qua sử dụng) trị giá 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng trị giá tài sản bị xâm hại là 5.400.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tại biên bản họp về việc xác định giá trị tài sản định giá số 100/BB-HĐĐGTS ngày 19/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Long Thành kết luận không có căn cứ tiến hành định giá đối với số thẻ cào điện thoại các loại (không xác định mệnh giá, chủng loại và số lượng).

Vật chứng vụ án: 48 thẻ cào điện thoại gồm các loại sau: 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 19 thẻ cào Vinafone mệnh giá 100.000 đồng, 05 thẻ cào Vinafone mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 100.000 đồng, 08 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 50.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4+, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Đối với xe mô tô biển số 79C1-150.46 do anh Nguyễn Văn T là chủ sở hữu, anh T không biết H sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

Tại Cáo trạng số 214a/CT-VKSLT ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Đối với số tài sản là một số thẻ cào điện thoại trị giá khoảng 1.300.000 đồng, do không có căn cứ tiến hành định giá đối với số thẻ cào trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo bồi thường theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội và điều luật áp dụng:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H khai nhận: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do không có việc làm ổn định nên bị cáo nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Từ ngày 16/5/2020 đến ngày 26/5/2020, tại xã CĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4+, màu vàng đồng (đã qua sử dụng) trị giá 1.350.000 đồng của bà Nguyễn Thị H, 48 thẻ cào điện thoại gồm: 06 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 06 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 19 thẻ cào Vinafone mệnh giá 100.000 đồng, 05 thẻ cào Vinafone mệnh giá 50.000 đồng, 02 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 100.000 đồng, 08 thẻ cào Vietnamobile mệnh giá 50.000 đồng trị giá 4.050.000 đồng của chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Dương T và 700.000 đồng của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.100.000 đồng (Sáu triệu, một trăm nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng do Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Năm 2007, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã CR, tỉnh Khánh Hòa kết án 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù,

chưa được xóa án tích nhưng từ ngày 16/5/2020 đến ngày 26/5/2020, bị cáo đã 03 lần lén lút trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và anh Nguyễn Dương T, chị Nguyễn Thị P có trị giá tài sản chiếm đoạt lần lượt là 1.350.000 đồng, 700.000 đồng và 4.050.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm là những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, trong thời gian tại ngoại, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo quyết định khởi tố bị can số 07/CSĐT-HS ngày 27/11/2020.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với bị hại bà Nguyễn Thị Tuyết Tr có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt là 700.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại số tiền 700.000 đồng cho bà Tr nên ghi nhận và buộc bị cáo trả lại cho bà Tr số tiền 700.000 đồng.

[6] Đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Tuyết Tr là một số thẻ cào điện thoại trị giá khoảng 1.300.000 đồng, do không có căn cứ tiến hành định giá đối với số thẻ cào trên nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với một số thẻ cào điện thoại (không xác định được số lượng, chủng loại cụ thể) bà Nguyễn Thị H khai mất cùng điện thoại Samsung J4+, bị cáo không thừa nhận và bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 79C1-150.46 do anh Nguyễn Văn T là chủ sở hữu, anh T không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2020 được trừ vào thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 26/5/2020 đến ngày 04/6/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H trả lại bà Nguyễn Thị Tuyết Tr số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr, anh Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quản Thế Nhân

Nguyễn Mạnh Cường

Đào Minh Hoàng

